

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Hệ thống thông tin quản lý - 1104010

Mã lớp học phần: 110401001

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Vương Sỹ Giao

Ngày thi: 02/12/2014

Giờ thi: 13h15

Phòng thi: A1.9

Giám thị 1: Ng. Phương Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Ng. Hòa Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090006	Lê Thị Thùy An	16/03/1994	<u>[Signature]</u>		4	BỐN	C14QT1	
2	1210090010	Võ Quốc An	01/01/1994	<u>[Signature]</u>		5	NĂM	C14QT1	
3	1210090011	Giáp Nguyễn Duy Anh	28/07/1993	<u>[Signature]</u>		4	BỐN	C14QT1	
4	1210090012	Lai Quốc Anh	20/10/1994	<u>[Signature]</u>		4	BỐN	C14QT1	
5	1210090016	Nguyễn Thị Kim Anh	05/04/1994	<u>[Signature]</u>		6,5	SÁU SẴN	C14QT1	
6	1210090017	Nguyễn Thị Mỹ Anh	28/12/1993	<u>[Signature]</u>		4,5	BỐN SẴN	C14QT1	
7	1210090022	Nguyễn Trương Thanh Diễm Ái	25/09/1994	<u>[Signature]</u>		5	NĂM	C14QT1	
8	1210090023	Bùi Thị Ngọc Ánh	01/11/1994	<u>[Signature]</u>		6,5	SÁU SẴN	C14QT1	
9	1210090026	Bùi Hoài Bảo	08/01/1994	<u>[Signature]</u>		4	BỐN	C14QT1	
10	1210090027	Nguyễn Quốc Bảo	13/01/1994	<u>[Signature]</u>		7,5	BẢY SẴN	C14QT1	
11	1210090028	Phan Gia Bảo	11/10/1994	<u>[Signature]</u>		5,5	NĂM SẴN	C14QT1	
12	1210090029	Từ Chương Bảo	03/01/1994	<u>[Signature]</u>		6	SÁU	C14QT1	
13	1210090031	Nguyễn Như Bình	20/05/1994	<u>[Signature]</u>		4	BỐN	C14QT1	
14	1210090030	Lưu Ngọc Bích	15/03/1992	<u>[Signature]</u>		4	BỐN	C14QT1	
15	1210090034	Lý Hoàn Kim Cang	21/11/1994	<u>[Signature]</u>		4	BỐN	C14QT1	
16	1210090032	Lý Thị Mộng Cẩm	07/04/1994	<u>[Signature]</u>		5,5	NĂM SẴN	C14QT1	
17	1210090035	Huỳnh Thị Phi Châu	10/05/1993	<u>[Signature]</u>		7,5	BẢY SẴN	C14QT1	
18	1210090036	Mạc Bảo Châu	09/05/1993	<u>[Signature]</u>		5	NĂM	C14QT1	
19	1210090037	Trịnh Trần Đoàn Châu	10/06/1994	<u>[Signature]</u>		3,5	BẢY SẴN	C14QT1	
20	1210090038	Đặng Thị Thảo Chi	10/07/1994	<u>[Signature]</u>		4	BỐN	C14QT1	
21	1210090039	Nguyễn Thị Kim Chi	16/11/1994	<u>[Signature]</u>		7,5	BẢY SẴN	C14QT1	
22	1210090040	Trần Thị Kim Chi	28/08/1994	<u>[Signature]</u>		5,5	NĂM SẴN	C14QT1	
23	1210090043	Nguyễn Thị Kiều Chinh	17/10/1994	<u>[Signature]</u>		5	NĂM	C14QT1	
24	1210090045	Thòng Cống Chương	05/10/1992	<u>[Signature]</u>		8,5	Tám sẵn	C14QT1	Nợ HP
25	1210090054	Cao Thị Có	18/03/1994	<u>[Signature]</u>		7,5	BẢY SẴN	C14QT1	
26	1210090048	Dương Thanh Cường	02/08/1994	<u>[Signature]</u>		6,5	SÁU SẴN	C14QT1	
27	1210090049	Nguyễn Chí Cường	20/12/1994	<u>[Signature]</u>	✓	✓	✓	C14QT1	Nợ HP
28	1210090050	Nguyễn Long Cường	06/11/1994	<u>[Signature]</u>		5	NĂM	C14QT1	
29	1210090051	Nguyễn Mạnh Cường	26/01/1990	<u>[Signature]</u>		3	Ba	C14QT1	Có thi
30	1210090052	Nguyễn Tuấn Cường	09/12/1994	<u>[Signature]</u>		5	NĂM	C14QT1	
31	1210090053	Trần Văn Cường	21/08/1994	<u>[Signature]</u>		6	SÁU	C14QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
32	1210090056	Nguyễn Công	Danh	11/07/1994			6	Sau	C14QT1	
33	1210090057	Nguyễn Tiến	Danh	15/04/1994			6	Sau	C14QT1	
34	1210090055	Nguyễn Thị Mỹ	Dân	20/01/1994			7	Bỏ	C14QT1	
35	1210090058	Hồ Thị Hoàng	Diễm	20/03/1994			6	Sau	C14QT1	
36	1210090059	Lê Ngọc	Diễm	17/04/1994			4	Bỏ	C14QT1	
37	1210090060	Trần Thị Ngọc	Diễm	25/07/1994		✓	✓	✓	C14QT1	Nợ HP
38	1210090061	Trần Xuân Thúy	Diễm	30/01/1994			8,5	Tính 8,1107	C14QT1	
39	1210090062	Trần Thị Nhật	Diệu	16/11/1993			5,5	Năm 8,1107	C14QT1	
40	1210090065	Châu Ngọc	Dung	08/08/1994			5	Năm	C14QT1	
41	1210090067	Lê Ngọc	Dung	02/07/1994			4	Bỏ	C14QT1	
42	1210090068	Nguyễn Phương	Dung	27/02/1994			3,5	Bỏ 8,1107	C14QT1	
43	1210090069	Nguyễn Vương Thiện	Dung	28/11/1993			5,5	Năm 8,1107	C14QT1	
44	1210090070	Trần Thị Kim	Dung	01/12/1994			5,5	Năm 8,1107	C14QT1	
45	1210090076	Châu Thị Mỹ	Duyên	02/05/1994			6,5	Sau 8,1107	C14QT1	
46	1210090077	Châu Thị Mỹ	Duyên	16/06/1994			4	Bỏ	C14QT1	
47	1210090079	Lữ Thị Mỹ	Duyên	11/02/1994			3,5	Bỏ 8,1107	C14QT1	
48	1210090080	Phạm Thị Mỹ	Duyên	24/01/1994			4,5	Bỏ 8,1107	C14QT1	
49	1210090081	Trần Thị Bích	Duyên	22/01/1993			7,5	Bỏ 8,1107	C14QT1	
50	1210090082	Trần Thị Kim	Duyên	14/06/1994			6,5	Sau 8,1107	C14QT1	

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2014-2015

Môn học : Hệ thống thông tin quản lý - 1104010

Mã lớp học phần: 110401001

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Vương Sỹ Giao

Ngày thi: 02/12/2014

Giờ thi: 13h15

Phòng thi: A1.10

Giám thị 1: Kiên Nhi Ký tên: Thái
Giám thị 2: Tô Văn Ký tên: Thái
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	1210090083	Trần Thị Mỹ	Duyên	19/10/1994	<u>Nguyễn</u>		6,5	Sáu mươi	C14QT1	
2	1210090072	Nguyễn Bá	Dũng	03/05/1994	<u>Nguyễn</u>		5	Năm	C14QT1	
3	1210090064	Võ Thùy	Dương	16/04/1994	<u>Ba</u>		3	Ba	C14QT1	
4	1210090119	Phùng Gia	Đạt	14/02/1994	<u>Đạt</u>		6	Sáu	C14QT1	
5	1210090085	Hà	Giang	16/10/1994	<u>Giang</u>		5	Năm	C14QT1	
6	1210090086	Nguyễn Thị Thùy	Giang	25/04/1994	<u>Thùy</u>		4,5	Bốn mươi	C14QT1	
7	1210090108	Dương Minh	Hài	25/02/1994	<u>Minh</u>		7	Bảy	C14QT1	
8	1210090110	Hoàng Phi	Hải	25/11/1992	<u>Phi</u>		5	Năm	C14QT1	Nợ HP 10417
9	1210090111	Nguyễn Văn	Hải	1994	<u>Nguyễn</u>		5,5	Năm mươi	C14QT1	
10	1210090112	Trần Dũ	Hào	25/10/1993	<u>Trần</u>		4	Bốn	C14QT1	
11	1210090101	Nguyễn Thị Bích	Hạnh	09/09/1994	<u>Bích</u>		5	Năm	C14QT1	
12	1210090102	Phạm Thị Hữu	Hạnh	01/02/1994	<u>Hữu</u>		6	Sáu	C14QT1	
13	1210090103	Tăng Thị Mỹ	Hạnh	04/04/1993	<u>Mỹ</u>		6,5	Sáu mươi	C14QT1	
14	1210090095	Nguyễn Thị	Hằng	19/12/1993	<u>Nguyễn</u>		4	Bốn	C14QT1	
15	1210090096	Nguyễn Thị	Hằng	28/07/1992	<u>Nguyễn</u>		4	Bốn	C14QT1	
16	1210090097	Nguyễn Thị Bích	Hằng	15/08/1994	<u>Bích</u>		5	Năm	C14QT1	
17	1210090098	Phạm Thị Thu	Hằng	03/03/1994	<u>Thu</u>		6	Sáu	C14QT1	
18	1210090099	Trần Thị Thu	Hằng	09/03/1994	<u>Thu</u>		4	Bốn	C14QT1	
19	1210090100	Trương Thị Thu	Hằng	12/04/1994	<u>Thu</u>		4	Bốn	C14QT1	
20	1210090089	Nguyễn Ngọc	Hân	22/12/1994	<u>Ngọc</u>		4	Bốn	C14QT1	
21	1210090090	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	07/10/1994	<u>Nguyễn</u>		4,5	Bốn mươi	C14QT1	
22	1210090091	Phạm Trần Thảo	Hân	25/11/1994	<u>Thảo</u>		4,5	Bốn mươi	C14QT1	
23	1210090092	Hân Xuân	Hậu	01/02/1990	<u>Xuân</u>		4	Bốn	C14QT1	
24	1210090113	Lâm Văn	Hiền	27/08/1994	<u>Văn</u>		5	Năm	C14QT1	
25	1210090115	Ngô Thị Thu	Hiền	28/01/1994	<u>Thu</u>		4	Bốn	C14QT1	
26	1210090120	Nguyễn Thành	Trí	08/01/1994	<u>Thành</u>		6	Sáu	C14QT1	Nợ HP 10355

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 26 / 26 .

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %